OCB Ngân Hàng Phương Đông | *Niềm tin và thịnh vượng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1375.01 /2024/CV-OCB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG**
   - Mã chứng khoán: **OCB**
   - Địa chỉ: Số 41 (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số 45 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
   - Điện thoại liên hệ: (028) 38 220 960 Fax: (028) 38 220 963
2. Nội dung thông tin công bố: Ngày 01 / 07/2024, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát OCB đã ban hành Quy chế quản trị nội bộ của OCB, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của OCB vào ngày 01 / 07/2024 tại đường dẫn https://ocb.com.vn/vi/nha-dau-tu#cong-bo-thong-tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Đại diện tổ chức
Người UQ CBTT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

TRƯƠNG ĐÌNH LONG

Tài liệu đính kèm:

Quy chế quản trị nội bộ của OCB;

Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Signature Not Verified
Ký bởi: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG
Ký ngày: 1/7/2024 13:58:56

OCB Ngân Hàng Phương Đông | *Niềm tin và thịnh vượng*

Số: 90 /2024/QĐ-HĐQT *Tp.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Phương Đông

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông;*
- *Căn cứ Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 15/04/2024;*
- *Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng quản trị ngày 01 / 7 /2024;*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Phương Đông".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024 và thay thế Quyết định số 59/2021/QĐ-HĐQT ngày 06/05/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Phương Đông.

Điều 3. Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

TRỊNH VĂN TUẤN

Nơi nhận:
- Như Điều 3 "để thi hành";
Sao gửi:
- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- Lưu Vp.HĐQT.

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).
2. Quy chế này được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân khác có liên quan trên toàn hệ thống OCB.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Người quản lý: bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của OCB.
2. Người điều hành: bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ OCB.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ OCB.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Vai trò của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị OCB, có toàn quyền nhân danh OCB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của OCB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Thành phần, cơ cấu và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành OCB.
2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của OCB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, OCB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.

5. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Văn phòng Hội đồng Quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định.

6. Hội đồng quản trị được thành lập các Ủy ban, Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cụ thể như sau:

   a) Hội đồng quản trị phải thành lập tối thiểu 02 Ủy ban là: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự và quy định cơ chế phán quyết đối với các ý kiến đề xuất của hai Ủy ban này. Một Ủy ban phải có tối thiểu 03 thành viên gồm trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm. Một thành viên Hội đồng quản trị chỉ được là trưởng ban của một Ủy ban, Ủy ban quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị.

   b) Hội đồng quản trị quy định quy chế làm việc, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban trên và các Ủy ban, Hội đồng khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của OCB.

3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.

4. Cử người đại diện phần vốn góp của OCB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

5. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của OCB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp

bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

6. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của OCB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa OCB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của OCB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của OCB; công ty con, công ty liên kết của OCB.
9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
11. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của OCB phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của tổ chức tín dụng.
13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
14. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
15. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng.
16. Quyết định mua lại cổ phần của tổ chức tín dụng theo phương án được duyệt.
17. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
18. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
19. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
20. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng

cổ đông và Hội đồng quản trị.

21. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
22. Đề cử người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong trường hợp cổ đông đề cử không đủ số lượng thành viên.
23. Quyết định mức bồi thường, cơ chế bồi thường và các vấn đề khác có liên quan đến việc bồi thường trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan.
24. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
25. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ OCB và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Điều lệ OCB hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông mà thiệt hại cho OCB thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho OCB; thành viên phản đối thông qua quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a)Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

b)Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

c)Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

d)Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

e)Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

f) Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g)Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.

h)Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị.

i) Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.

j) Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm

vụ.

k) Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

l) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

m) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có các quyền, nghĩa vụ như sau:

a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của OCB và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

b) Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành OCB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.

c) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.

d) Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.

e) Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

f) Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

g) Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

h) Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được

giao khi có yêu cầu.

i) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB

2. Ngoài quyền và nghĩa vụ tại khoản 1 Điều này, Thành viên HĐQT còn có trách nhiệm như sau:

a) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

c) Thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa OCB, công ty con, công ty do OCB nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, OCB phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

d) Không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ.

e) Không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

f) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB.

Điều 8. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao được tính theo mức độ đóng góp công việc của thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quán trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của OCB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của OCB, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG IV

CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẦU, BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị

1. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
4. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
5. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của OCB, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69, điểm b khoản 1 Điều 73 và điểm a khoản 2 Điều 77 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
6. Người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát;
7. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 10. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của OCB không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của OCB và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

   a) Người điều hành OCB, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của OCB;

   b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của OCB hoặc của công ty mẹ của OCB hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

   c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của OCB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Người điều hành OCB;

b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;

c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

Điều 11. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

c) Có trình độ từ đại học trở lên;

d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho OCB hoặc công ty con của OCB hoặc đã làm việc cho OCB hoặc công ty con của OCB trong 03 năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của OCB, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;

c) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của OCB, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của OCB hoặc công ty con của OCB;

d) Không đại diện sở hữu cổ phần của OCB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB;

đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của OCB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 12. Đình chỉ, tạm đình chỉ

1. NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị vi phạm quy định tại Điều 43, khoản 10 Điều 48 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của OCB hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Điều 13. Đương nhiên mất tư cách

1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:
   a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
   b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của OCB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
   c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức;
   d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
   e) Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;
   f) Chết.
2. Hội đồng quản trị của OCB phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị của OCB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 14. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 45 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và Điều lệ OCB, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
   a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của OCB;
   b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 44 Điều lệ;

d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 45 và khoản 2 Điều 43 của Điều lệ;

e) Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ của OCB.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị của OCB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.
4. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế.
5. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường hoặc trình cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất quyết định.
6. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, khi chưa có quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm của Đại hội đồng Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị bị đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn có đủ trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của OCB hoặc ở nơi khác.
2. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

   a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;

   b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;

   c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

   d) Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ OCB và các quy định pháp luật có liên quan.

   Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và

quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với OCB; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Khi triệu tập họp, người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp trừ trường hợp họp khẩn cấp thì không phải tuân thủ thời hạn này. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại OCB.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp bao gồm cả trường hợp trực tiếp dự họp, ủy quyền dự họp và gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên hội đồng quản trị chấp thuận.

7. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

   a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu theo quy định pháp luật và Điều lệ OCB.

   b) Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

   c) Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì nội dung trong biên bản được lập bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

   d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB.

Điều 16. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu

thuẫn với lợi ích của OCB;

2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo uỷ quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.
3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
4. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

Điều 17. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi đến từng thành viên Hội đồng quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của OCB;
   b) Mục đích lấy ý kiến;
   c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
   d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
   e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
   f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về OCB;
   g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về OCB theo quy định của OCB.
5. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của OCB;
   b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
   c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội

đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

6. Thư ký Hội đồng Quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB.

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 18. Chế độ thông tin báo cáo

1. Nơi tiếp nhận các thông tin, báo cáo của Hội đồng Quản trị là Văn phòng Hội đồng quản trị.

2. Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được cung cấp thông tin theo quy định pháp luật.

3. Tất cả các báo cáo chính thức gửi Hội đồng Quản trị phải có chữ ký và ghi rõ tên của người có trách nhiệm và được bảo quản như tài liệu mật của OCB.

4. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị phải tuân thủ việc bảo quản hồ sơ và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và của OCB.

CHƯƠNG VI
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem

xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ OCB và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định này.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Những vấn đề liên quan đến Hội đồng quản trị được quy định trong Điều khoản chuyển tiếp của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 thì được thực hiện theo Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.
2. Những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị OCB nếu chưa được đề cập trong Quy chế này, thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của OCB. Khi có nội dung nào trong Quy chế này trái với các quy định mới của pháp luật, thì áp dụng theo quy định pháp luật mới.
3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở quy định pháp luật.

OCB Ngân Hàng Phương Đông | *Niềm tin và thịnh vượng*

Số: 91/2024/QĐ-HĐQT *Tp.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng TMCP Phương Đông

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông;*
- *Căn cứ Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 15/04/2024;*
- *Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng quản trị ngày 01/7/2024;*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng TMCP Phương Đông".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024 và thay thế Quyết định số 33/2022/QĐ-HĐQT ngày 29/04/2022 ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng TMCP Phương Đông.

Điều 3. Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 "để thi hành";
Sao gửi:
- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- Lưu Vp.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

TRỊNH VĂN TUẤN

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CỦA NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những vấn đề về quản trị ngân hàng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành và cán bộ quản lý của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).
2. Quy chế này được áp dụng đối với cổ đông và người có liên quan của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành, cán bộ nhân viên Ngân hàng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Người quản lý: bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của OCB.
2. Người điều hành: bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ OCB.
3. Cổ đông lớn: là cổ đông của OCB sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ OCB.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành;
3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Ngân hàng.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Họp ĐHĐCĐ thường niên:

a) ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b) ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Họp ĐHĐCĐ bất thường:

ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp theo quy định tại Điều lệ OCB.

3. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có thể được tổ chức bằng hình thức trực tuyến theo quy định tại Phụ lục 01 Quy chế này hoặc hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến theo quy định tại Phụ lục 02 Quy chế này.

Điều 5. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: OCB công bố thông tin về việc lập danh sách có quyền tham dự ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ:

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b) Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết.

c) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; Phiếu biểu quyết; Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của OCB.

3. Cách thức đăng ký họp ĐHĐCĐ:

a) Vào ngày khai mạc cuộc họp, cổ đông và người được ủy quyền dự họp tiến hành thủ tục đăng ký dự họp. Người đăng ký dự họp được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

b) Hết thời gian dành cho việc đăng ký, nếu đã đủ tỷ lệ tối thiểu để tiến hành cuộc họp, Chủ tịch có thể cho bắt đầu cuộc họp.

c) Cổ đông đến sau khi cuộc họp ĐHĐCĐ đã được khai mạc có quyền đăng ký và tham gia gia biểu quyết các vấn đề ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ:

Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Điều 6. Thủ tục biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.
2. Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông được phát "Phiếu biểu quyết" do OCB phát hành, trong đó ghi mã số cổ đông, tên cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu.
3. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số Phiếu biểu quyết được thu theo thứ tự: tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu với số lượng không quá ba (03) người. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa. Kết quả kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng một thứ tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều lệ OCB. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được hoàn thành và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của OCB trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Phương thức gửi biên bản cuộc họp có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của OCB.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB.

Điều 8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua phù hợp Điều lệ và quy định pháp luật có giá trị hiệu lực cao nhất trong OCB. Mọi đơn vị, cá nhân có liên quan đều có nghĩa vụ thi hành.
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin cùng với Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Nghị quyết được thông qua. Việc gửi Nghị quyết của ĐHĐCĐ cho cổ đông có thể thực hiện bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của OCB.

Điều 9. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của OCB, trừ các trường hợp bắt buộc phải thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định pháp luật và Điều lệ OCB.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Điều lệ OCB.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của OCB trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
6. Tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được gửi đến NHNN trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB;
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 10. Yêu cầu huỷ bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ OCB, trừ trường hợp Nghị quyết được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ OCB.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

   a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

   b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

   c) Có trình độ từ đại học trở lên;

   d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

   a) Không phải là người đang làm việc cho OCB hoặc công ty con của OCB hoặc đã làm việc cho OCB hoặc công ty con của OCB trong 03 năm liền kề trước đó;

   b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của OCB, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;

   c) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của OCB, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của OCB hoặc công ty con của OCB;

   d) Không đại diện sở hữu cổ phần của OCB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB;

   đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của OCB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 12. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ OCB.

2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập) hoặc các ứng cử viên không bảo đảm đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này.

Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn

phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì Đại hội đồng Cổ đông tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ OCB.

Điều 14. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:

   a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

   b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của OCB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

   c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức;

   d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

   e) Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;

   f) Chết.

2. Hội đồng quản trị của OCB phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị của OCB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 15. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều lệ OCB, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

   a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của OCB;

   b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

   c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 44 Điều lệ;

   d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 45 và khoản 2 Điều 43 của Điều lệ;

e) Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ của OCB.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị của OCB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

Điều 16. Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị, điều kiện tổ chức cuộc họp, cách thức thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị OCB.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 17. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
2. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
3. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
4. Không phải là người có liên quan của người quản lý OCB;
5. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
6. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật.

Điều 18. Đề cử, bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc đề cử, bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc đề cử, bầu thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế này.

Điều 19. Đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát:

a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức;

d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

e) Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;

g) Chết;

h) Các trường hợp khác theo quy định của OCB và quy định pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, g, h khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật

Điều 20. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 46 của Điều lệ này, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

   a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Ban kiểm soát của OCB;

   b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

   c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 44 Điều lệ;

   d) Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ của OCB.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát của OCB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

CHƯƠNG V

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người điều hành

1. Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

   a) Tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

   b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

   c) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán,

kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; đối với Phó Tổng giám đốc phải không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

b) Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

d) Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 22. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Người điều hành

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Người điều hành phù hợp với quy định pháp luật và quy định của OCB.
2. Việc ký kết Hợp đồng lao động thực hiện theo quy định của OCB phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 23. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành

1. Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức;

d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

e) Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;

f) Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;

g) Chết.

2. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của OCB;

b) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 44 Điều lệ;

c) Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ của OCB.

Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Tổng giám đốc của OCB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

3. Người điều hành khác của OCB bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định nội bộ của OCB phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 24. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành

Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG VI

QUY ĐỊNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 25. Nội dung phối hợp giữa HĐQT, BKS và TGĐ

1. Triệu tập họp HĐQT:

   Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT để thảo luận và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị.

2. Tham gia các cuộc họp của HĐQT:

   a. TGĐ được tham gia các phiên họp của Hội đồng Quản trị. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ báo cáo chương trình, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, kết quả tài chính, phương án phân chia lợi nhuận, phương hướng phát triển và kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới.
   b. Trưởng Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết của HĐQT. Ban kiểm soát thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ và trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ.

3. Phối hợp giữa TGĐ và HĐQT trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao:

   a. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị..

b. Tổng Giám đốc có trách nhiệm Báo cáo với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của OCB theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

c. Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành khác của OCB cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của OCB và của các đơn vị, Công ty con của OCB.

d. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thực hiện những quyết định, kiến nghị, yêu cầu của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái pháp luật.

4. Phối hợp hoạt động kiểm soát, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:

a. Quan hệ giữa BKS và HĐQT:

i. BKS hoạt động với tư cách khách quan, độc lập trong quá trình kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh – quản lý – điều hành Ngân hàng, đồng thời BKS có trách nhiệm phối hợp cùng với HĐQT theo dõi chỉ đạo quá trình chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra.

ii. Hội đồng Quản trị, Thành viên HĐQT, TGĐ, Người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của OCB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong quá trình hoạt động. Các thành viên Ban Kiểm soát được HĐQT cung cấp tài liệu và thông tin cần thiết phục vụ công tác của BKS.

iii. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

iv. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

b. Quan hệ giữa BKS đối với Tổng Giám đốc:

i. Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.

ii. Ban Kiểm soát được sử dụng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của OCB để phục vụ việc kiểm tra hoặc kiểm toán.

CHƯƠNG VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 26. Đánh giá hiệu quả làm việc của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

1. Chủ tịch HĐQT có nhiệm vụ đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc và báo cáo kết quả kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Các Cán bộ quản lý khác trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát; kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác.

Điều 27. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức thưởng đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.
3. Hội đồng Quản trị quyết định mức thưởng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của OCB. Các hình thức và mức khen thưởng, trình tự, thủ tục xét thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng do HĐQT ban hành tại từng thời điểm.
4. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác không được yêu cầu trả thưởng khi OCB bị lỗ.

Điều 28. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác của Ngân hàng, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và/hoặc Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho OCB và cổ đông của OCB.
3. Hội đồng Quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các Người điều hành khác của OCB.
4. Ban Kiểm soát có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh thuộc Bộ phận kiểm toán nội bộ trên cơ sở quy định nội bộ do Ban Kiểm soát ban hành.

CHƯƠNG VIII

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Điều 29. Người phụ trách quản trị Ngân hàng

1. Hội đồng Quản trị giao Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm Thư ký HĐQT theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.
3. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
   b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
   c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
   d. Tham dự các cuộc họp;
   e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp;
   f. Tổ chức, xắp xếp việc lưu trữ các văn bản, tài liệu, nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị;
   g. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
   h. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
   i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
   j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
4. Việc miễn nhiệm người phụ trách quản trị Ngân hàng thực hiện theo quy định nội bộ của OCB có hiệu lực trong từng thời kỳ.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Những vấn đề liên quan đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và quản trị nội bộ được quy định trong Điều khoản chuyển tiếp của Luật Các tổ chức tín dụng thì được thực hiện theo Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng.
2. Những vấn đề liên quan đến quản trị nội bộ của OCB nếu chưa được đề cập trong Quy chế này, thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của OCB. Khi có nội dung nào trong Quy chế này trái với các quy định mới của pháp luật, thì áp dụng theo quy định pháp luật mới.
3. Ủy quyền Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC 01

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

1. **Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**
   a. Phụ lục này quy định về việc:
      i. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) theo hình thức trực tuyến.
      ii. Thực hiện việc biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
   b. Phụ lục này được áp dụng đối với cổ đông, người được ủy quyền dự họp.
2. **Giải thích từ ngữ**
   a. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến/Đại hội trực tuyến: là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
   b. Bỏ phiếu điện tử: là việc cổ đông thực hiện biểu quyết, bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do OCB quy định và thông báo.
   c. Hệ thống bỏ phiếu điện tử là hệ thống cung cấp cho cổ đông các công cụ thông tin hiện đại để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
   d. Tài khoản truy cập: bao gồm tên truy cập và mật khẩu được OCB cấp duy nhất cho từng cổ đông.
   e. Cổ đông: bao gồm cổ đông và người được cổ đông ủy quyền dự họp Đại hội trực tuyến.
3. **Tổ chức Đại hội trực tuyến**
   a. Căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập Đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức Đại hội trực tiếp.
   b. Hội đồng quản trị thành lập Ban tổ chức đại hội để triển khai các thủ tục, công việc theo Quy chế này để phục vụ cho việc tổ chức Đại hội trực tuyến.
   c. Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến có giá trị pháp lý như cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp. Hình thức biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử có giá trị pháp lý như hình thức biểu quyết, bỏ phiếu, gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời bằng phương thức truyền thống.
   d. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội theo quy định tại Quy chế này là cơ sở xác định tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội trực tuyến.
4. **Điều kiện tiến hành Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử**
   a. Cổ đông tham dự đại hội đạt tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ OCB.
   b. Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện:
      i. Đường truyền tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định. Trường hợp bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban Chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến của phần gián đoạn.
      ii. Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp.

iii. Đảm bảo an toàn thông tin, bí mật tài khoản truy cập. Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội, biểu quyết, bỏ phiếu phải được lưu giữ, bảo mật, trích xuất được từ hệ thống có đầy đủ các thông tin liên quan để tổng hợp Biên bản.

5. Trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội trực tuyến

Việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử đảm bảo về trình tự, thủ tục, thời gian tương tự như tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và pháp luật có liên quan (chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp; gửi thông báo mời họp và chương trình, tài liệu cuộc họp; đăng ký cổ đông, đăng ký ủy quyền dự họp; xác định Chủ tọa cuộc họp, thông qua chương trình, nội dung cuộc họp và cử Thư ký, bầu Ban kiểm phiếu; thảo luận và biểu quyết; lập và thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; công bố thông tin liên quan...).

6. Điều kiện tham dự và ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

a. Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông OCB có quyền biểu quyết được lập và chốt vào ngày đăng ký cuối cùng đều được tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo Quy chế này.

b. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

c. Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được thực hiện như sau:

i. Cổ đông cần cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, trong đó có thông tin của bên nhận ủy quyền, gồm: họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân/mã số doanh nghiệp, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email. Đây là cơ sở để nhận tên đăng nhập, mật khẩu truy cập, các yếu tố định danh khác (nếu có) và thông tin khác để đăng nhập tham dự đại hội, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.

ii. Hiệu lực của việc ủy quyền: Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền của OCB được thông báo đến cổ đông hoặc được công bố trên website của OCB và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Văn bản ủy quyền có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- OCB nhận được bản chính Văn bản ủy quyền trong thời hạn được quy định theo từng lần tổ chức Đại hội.

iii. Khi ủy quyền có hiệu lực theo quy định tại khoản này thì bên nhận ủy quyền sẽ nhận được thông tin truy cập để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử thông qua số điện thoại hoặc email theo thông tin được cung cấp tại Văn bản ủy quyền.

iv. Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử: Cổ đông phải gửi văn bản chính thức đề nghị hủy việc ủy quyền đến OCB. Việc hủy bỏ ủy quyền này chỉ có hiệu lực khi OCB nhận được văn bản hủy bỏ trước khi Đại hội khai mạc chính thức ít nhất 24 giờ trước giờ khai mạc Đại hội hoặc một thời hạn khác

theo thông báo của OCB. Việc hủy bỏ ủy quyền sẽ không có hiệu lực nếu OCB nhận được Văn bản hủy bỏ ủy quyền trực tuyến sau thời điểm nêu trên hoặc người được ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu điện tử trước khi ĐHĐCĐ chính thức khai mạc với bất cứ vấn đề nào của Đại hội trực tuyến.

v. Trong trường hợp người được ủy quyền nhận ủy quyền từ nhiều cổ đông thì có thể biểu quyết, bỏ phiếu theo hai hình thức: (i) thống nhất một nội dung biểu quyết cho tất cả các cổ đông ủy quyền; hoặc (ii) biểu quyết linh hoạt theo quyết định của từng cổ đông ủy quyền.

7. Cung cấp thông tin đăng nhập để tham dự Đại hội trực tuyến

a. OCB gửi cổ đông Thư mời họp Đại hội trực tuyến kèm theo tài liệu hướng dẫn và đường dẫn để truy cập đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông, bỏ phiếu điện tử cũng như tra cứu các tài liệu cho Đại hội.

b. Cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến bằng cách truy cập vào đường dẫn được thông báo và điền các thông tin của cổ đông và đại diện theo ủy quyền (nếu tham gia bởi người được ủy quyền) đã được đăng ký, bao gồm: Họ và tên; số điện thoại; Số giấy chứng minh nhân dân, Số thẻ căn cước công dân, Mã số doanh nghiệp, Mã số nhà đầu tư nước ngoài và email. Các thông tin này có thể thay đổi theo từng lần tổ chức Đại hội đồng cổ đông và được thông báo đến các cổ đông.

c. OCB sẽ cấp Tài khoản truy cập cho cổ đông vào số điện thoại hoặc email để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn của OCB.

d. Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến:

i. Cổ đông không cung cấp thông tin và gửi thư phản hồi về OCB để xác thực tư cách cổ đông theo yêu cầu.

ii. Cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại mục 8 Phụ lục này.

8. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến

a. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được OCB gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website OCB.

b. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

c. Hệ thống trực tuyến sẽ mở để ghi nhận việc cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội trực tuyến trước thời điểm khai mạc 60 phút so với chương trình dự kiến hoặc một thời gian khác theo Thông báo của OCB.

9. Thảo luận tại Đại hội trực tuyến

a. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội.

b. Cổ đông có thể thảo luận tại Đại hội trực tuyến bằng hình thức phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội, Ban thư ký có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cổ đông và chuyển đến Ban chủ tọa.

c. Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên Chủ tọa đoàn do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông. Khi đã hết thời gian quy định cho chương trình thảo luận,

Ban tổ chức Đại hội sẽ ngừng việc sắp xếp các đăng ký thảo luận, phát biểu của cổ đông. Chủ tọa có quyền quyết định kéo dài hoặc chấm dứt chương trình thảo luận.

10. Cách thức bỏ phiếu điện tử

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
   i. Cổ đông chọn lựa một trong ba phương thức biểu quyết "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" đối với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại Hệ thống bỏ phiếu điện tử.
   ii. Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để Hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu để bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm sát:
   i. Cổ đông thực hiện bỏ phiếu để bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm sát trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn của OCB.
   ii. Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để Hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
   iii. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
      - Việc thực hiện bỏ phiếu điện tử được thực hiện sau khi cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.
      - Cổ đông thực hiện bỏ phiếu các vấn đề cần bỏ phiếu đã được cài đặt trên hệ thống và có thể bỏ phiếu trong thời gian hệ thống mở đến thời điểm hệ thống đã được đóng theo thông báo của OCB.
      - Trường hợp cổ đông không bỏ phiếu hết các nội dung cần bỏ phiếu thì các vấn đề chưa được bỏ phiếu được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu vấn đề đó và được xác định là không tham gia bỏ phiếu điện tử đối với vấn đề không được cổ đông bỏ phiếu.
      - Trường hợp phát sinh vấn về ngoài nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông đã gửi, cổ đông có thể bỏ phiếu bổ sung. Nếu cổ đông không thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử với vấn đề phát sinh đó thì cổ đông được xác định là không có ý kiến đối với vấn đề phát sinh đó.
      - Trường hợp hệ thống trực tuyến cho phép, cổ đông có thể thay đổi phương án bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu (nhưng không thể hủy kết quả). Khi đó, hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kết quả bỏ phiếu cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu.
      - Trường hợp cổ đông tham dự trực tuyến dừng kết nối trước thời điểm kết thúc bỏ phiếu mà chưa hoàn tất việc bỏ phiếu thì nội dung bỏ phiếu nào đã được cổ đông xác nhận sẽ được hệ thống ghi nhận và được tính khi kiểm phiếu. Trường hợp cổ đông kết nối lại trước thời điểm kết thúc bỏ phiếu thì cổ đông được tiếp tục, bỏ phiếu cho các vấn đề chưa được bỏ phiếu.

11. Thời gian bỏ phiếu điện tử

a. Thời gian bỏ phiếu điện tử thực hiện theo thông báo của Chủ tọa Đại hội hoặc theo tài liệu hướng dẫn của Đại hội.

b. Cổ đông truy cập Hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu trong thời gian được quy định. Trường hợp cổ đông gặp khó khăn trong việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu.

c. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, Hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu từ cổ đông và cổ đông không được quyền thay đổi nội dung đã bỏ phiếu. Kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

12. Cách thức kiểm phiếu

a. Nguyên tắc kiểm phiếu biểu quyết: Khi cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử, số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc phân tách số phiếu Tán thành, số phiếu Không tán thành và số phiếu Không có ý kiến.

b. Nguyên tắc kiểm phiếu bầu cử: Khi cổ đông bỏ phiếu điện tử, số phiếu bầu được ghi nhận trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo số phiếu bầu mà cổ đông đã thực hiện.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Mục 12 Phụ lục này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và kết quả kiểm phiếu đối với từng vấn đề theo nội dung chương trình ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu được Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

14. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ, cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Chuẩn bị và sử dụng thiết bị phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của ĐHĐCĐ trực tuyến, thực hiện bỏ phiếu điện tử khi tham dự họp trực tuyến.

b. Bảo mật thông tin đăng nhập và các yếu tố định danh khác để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự Đại hội trực tuyến, quyền thực hiện bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử được xem là quyết định cuối cùng của cổ đông và cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước OCB về kết quả bỏ phiếu đã được thực hiện của cổ đông trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử.

c. Thông báo ngay cho OCB để kịp thời xử lý khi phát hiện thông tin đăng nhập và các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Cổ đông phải chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm OCB nhận được thông báo của cổ đông.

d. Đăng ký thông tin số CMND/CCCD/Hộ chiếu, số đăng ký thành lập/hoạt động/đăng ký doanh nghiệp, số điện thoại di động, địa chỉ thư điện tử chính xác và phản hồi kịp thời cho OCB để Ban tổ chức gửi thư mời họp và tài liệu hướng dẫn tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin đã đăng ký.

e. Thực hiện theo các tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi thực hiện bỏ phiếu điện tử.

f. Đồng ý để OCB cung cấp các dữ liệu thông tin của cổ đông cho Bên thứ ba có liên quan khi cung cấp dịch vụ hỗ trợ việc tổ chức Đại hội trực tuyến và triển khai thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu điện tử.

15. Sự kiện bất khả kháng

a. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra tại địa điểm Chủ tọa tham dự họp (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số cổ đông tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật, sự cố an ninh trật tự, sự cố y tế, yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc sự kiện khác xảy ra một cách

khách quan mà OCB không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép.

b. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục trong thời gian 60 phút để Đại hội trực tuyến có thể tiếp tục diễn ra, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, những vấn đề đã được bỏ phiếu và hệ thống đã ghi nhận trước khi tạm dừng sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

16. Điều khoản khác

Các nội dung không đề cập trong Phụ lục này thực hiện theo quy định tại Điều lệ OCB và quy định pháp luật có liên quan.

PHỤ LỤC 02

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phụ lục này quy định về việc:

i. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

ii. Thực hiện việc biểu quyết, bỏ phiếu trực tiếp và/hoặc bằng phương thức điện tử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Phụ lục này được áp dụng đối với cổ đông, người được ủy quyền dự họp.

2. Phương thức triển khai

a. Cổ đông dự họp có thể lựa chọn tham gia họp trực tiếp tại địa điểm thông báo mời họp hoặc tham dự họp thông qua phương tiện công nghệ thông tin hiện đại để thực hiện quyền dự họp, biểu quyết và các quyền khác của cổ đông.

b. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Quy chế này. Thông báo mời họp cung cấp thông tin đăng nhập nếu cổ đông tham dự họp theo hình thức trực tuyến, trừ trường hợp OCB quyết định cung cấp thông tin đăng nhập bằng hình thức khác.

c. Cách thức đăng ký tham gia, cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu và các nội dung liên quan khác sẽ được quy định tại Thể lệ tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Số: 92/2024/QĐ-BKS

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Phương Đông

BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông;*
- *Căn cứ Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 15/04/2024;*
- *Căn cứ Biên bản họp Ban kiểm soát số 03/2024/BB-BKS ngày 01/7/2024;*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Phương Đông".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024 và thay thế Quyết định số 01/2021/QĐ-BKS ngày 06/05/2021 v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Phương Đông.

Điều 3. Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 "để thi hành";
- Lưu Văn thư, Vp.HĐQT.

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

NGUYỄN THỊ THÚY MINH

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 92/2024/QĐ-BKS ngày 01 / 07 /2024 của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ, các nguyên tắc, chế độ làm việc của Ban kiểm soát, tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông theo quy định pháp luật.

Điều 2: Viết tắt và giải thích từ ngữ

1. Các từ viết tắt:
   - OCB: là Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông.
   - Luật các TCTD: là Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung.
   - Điều lệ: là Điều lệ Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông.
   - Hội đồng quản trị: là Hội đồng quản trị của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông.
   - Ban kiểm soát: là Ban kiểm soát của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông.
   - Người quản lý: bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.
   - Người điều hành: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh điều hành khác theo quy định về cơ cấu tổ chức của OCB.
2. Giải thích từ ngữ:

   Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu theo quy định Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

CHƯƠNG II

CƠ CẤU, TỔ CHỨC, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 3: Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát của OCB có tối thiểu 05 thành viên. Số lượng thành viên của Ban kiểm soát do Điều lệ quy định.
3. Ban kiểm soát có bộ phận Kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, OCB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các TCTD.

Điều 4: Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ OCB.
2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của OCB về kế toán, báo cáo.
3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành OCB, có quyền sử dụng các nguồn lực của OCB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của OCB; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của OCB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
6. Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của OCB theo chương VII Luật các TCTD.
7. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của OCB khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
   a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   b) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày

làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành của OCB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của OCB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
9. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của OCB; cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
10. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ.
11. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ.
12. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận Kiểm toán nội bộ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận Kiểm toán nội bộ.
13. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các TCTD.
14. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 5: Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 4 của Quy chế này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
3. Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường tại khoản 11 Điều 4 của quy định này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.
8. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
11. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 6: Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của OCB và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 73 của Luật các TCTD.
3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành OCB.
6. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của OCB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
7. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của OCB và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.
8. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
9. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 7: Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 8 Quy chế này.
2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
3. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.
4. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
5. Không phải là người có liên quan của người quản lý OCB.
6. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 8: Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát

Những người sau đây không được là thành viên Ban kiểm soát:

1. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật các TCTD;

2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
4. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật các TCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
5. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của OCB, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69, điểm b khoản 1 Điều 73 và điểm a khoản 2 Điều 77 của Luật các TCTD;
6. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 9: Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Thành viên Ban kiểm soát của OCB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

1. Người quản lý, người điều hành của OCB, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của OCB hoặc công ty con của OCB;
2. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của OCB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

Điều 10: Những trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát của OCB:
   a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 8 của quy chế này;
   b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
   c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức;

d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

e) Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;

f) Chết.

2. Sau khi đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát của OCB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Hội đồng quản trị OCB phải có văn bản báo cáo kèm theo tài liệu chứng minh về nhân sự đương nhiên bị mất tư cách theo các quy định tại các điểm a,b,c,d,f khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày đương sự đương nhiên bị mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; Thực hiện bầu thành viên Ban kiểm soát bị khuyết trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 6 Điều 51 Luật các TCTD.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 11: Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 10 của quy chế này, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

   a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của OCB;

   b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

   c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 7 của quy chế này;

   d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị OCB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

4. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban kiểm soát, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thay thế.

Điều 12: Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát vi phạm quy định tại Điều 43, khoản 10 Điều 48 của Luật các TCTD hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định

tại Điều 41 của Luật các TCTD; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát của TCTD bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của OCB hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Điều 13: Trách nhiệm công khai thông tin của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải cung cấp cho OCB các thông tin sau đây:
   a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
   b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
   c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
   d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải gửi cho OCB văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Thành viên Ban kiểm soát cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 14: Thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

1. Mức thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn với mức hợp lý và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Thù lao, lương, thưởng và các chi phí hoạt động của thành viên Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của OCB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính

hằng năm của OCB, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 15: Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo thực hiện các quy tắc chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật.
2. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát bao gồm các quy tắc sau đây:
   a) Chính trực: thực hiện công việc được giao một cách thẳng thắn, trung thực;
   b) Khách quan: thực hiện công việc được giao khách quan; đánh giá công bằng không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác;
   c) Bảo mật: tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của OCB;
   d) Trách nhiệm: thực hiện công việc được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng;
   e) Thận trọng: thực hiện công việc được giao một cách thận trọng trên cơ sở đánh giá các yếu tố sau đây:
      (i) Mức độ phức tạp, tầm quan trọng của nội dung được kiểm toán nội bộ;
      (ii) Khả năng xảy ra các sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ.

CHƯƠNG III

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 16: Chế độ phân công nhiệm vụ và báo cáo

Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát. Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, từng thành viên Ban kiểm soát thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 17: Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể, cá nhân chịu trách nhiệm trước nhiệm vụ được giao. Trưởng Ban kiểm soát trực tiếp chủ trì giải quyết những nội dung quan trọng và phân công cho từng thành viên thực hiện nhiệm vụ được giao.
2. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của Ban kiểm soát. Trường hợp vắng mặt vì lý do chính đáng thì Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền cho một thành viên trong Ban kiểm soát chủ trì.
3. Đối với những vụ việc kiểm tra mang tính chất phức tạp và diện rộng, Ban kiểm soát có thể thông báo với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc để huy động nhân sự có năng lực và phẩm chất tốt của OCB tham gia. Đối với các vụ việc cần liên hệ với tổ chức cá nhân ngoài OCB để thực hiện công tác kiểm tra giám sát, Ban kiểm soát sẽ thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
4. Ban kiểm soát thống nhất nội dung các báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông, các thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Trong trường hợp có ý kiến chưa thống nhất, thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình và ghi vào biên bản.

Điều 18: Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày các thành viên được bầu. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên trúng cử thống nhất chọn 01 người trong số họ để triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên và bầu Trưởng ban kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
   a) Trưởng Ban kiểm soát;
   b) Ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát;
   c) Cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định pháp luật hiện hành;
   d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

   Đề nghị nêu tại điểm b và d khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
3. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm b, c, d khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát thì Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời xem xét quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban kiểm soát bảo đảm các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
4. Các cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ tại trụ sở chính của OCB, họp trực tuyến hoặc các địa điểm khác do Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được uỷ quyền quyết định.

Điều 19: Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát (trừ cuộc họp đầu tiên theo khoản 1 Điều 18 Quy chế này) được tiến hành sau 07 ngày làm việc kể từ khi gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp của Ban kiểm soát phải được lập bằng tiếng Việt, gồm các nội dung chính: chương trình họp, thời gian, địa điểm kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Trường hợp có đủ các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp hoặc ủy quyền thì các thủ tục triệu tập họp Ban kiểm soát được mặc nhiên coi là hợp pháp.
2. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền.
3. Trường hợp triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời hạn 7 ngày làm việc tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban kiểm soát vẫn không

đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và tham gia họp cùng Ban Kiểm soát trong thời hạn 30 ngày tiếp theo để xử lý công việc mà không phụ thuộc vào số thành viên dự họp, trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.

4. Biểu quyết:

   a) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có 1 phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản hoặc uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp.

   b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;

   c) Nếu có bất cứ nghi ngờ nào nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận, trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

5. Tuyên bố quyền lợi: thành viên Ban kiểm soát thấy có liên quan quyền lợi dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với OCB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không theo Điều lệ và quy định của Pháp luật. Nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

6. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).

7. Trường hợp Trưởng ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b) Số lượng thành viên Ban kiểm soát tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

8. Biên bản: Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi nhận một cách đầy đủ, trung thực (kể cả các ý kiến bảo lưu của thành viên Ban kiểm soát, nếu có) và được lưu giữ theo quy định. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả thành viên Ban kiểm soát dự họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí người lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Điều 20. Giám sát của Ban kiểm soát đối với Kiểm toán nội bộ

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:
   a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;
   b) Giám sát kiểm toán nội bộ trong việc:
      (i) Thực hiện kiểm toán nội bộ;
      (ii) Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;
      (iii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
2. Việc giám sát của Ban kiểm soát đối với kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo kiểm toán nội bộ được thực hiện hiệu quả, đạt được yêu cầu đề ra.

CHƯƠNG IV

CHẾ ĐỘ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 21: Quyền được cung cấp thông tin

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do OCB phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của OCB lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của OCB trong giờ làm việc.
5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của OCB theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.
6. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc phải gửi đến Ban kiểm soát các báo cáo sau đây để Ban kiểm soát thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:
   a) Báo cáo kết quả kinh doanh của OCB;
   b) Báo cáo tài chính;
   c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành OCB.

Điều 22. Chế độ báo cáo về kiểm toán nội bộ

1. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của OCB.
2. Ban kiểm soát phê duyệt báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ để gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sau khi kết thúc kiểm toán nội bộ theo quy định pháp luật.
3. Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ bao gồm:
   a) Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (định kỳ hàng năm và đột xuất);
   b) Báo cáo kết quả tự đánh giá kiểm toán nội bộ;
   c) Báo cáo hàng năm về kiểm toán nội bộ gửi Ngân hàng Nhà nước (Báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ).
4. Thời hạn gửi báo cáo:
   a) Đối với báo cáo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này:
      (i) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Kiểm toán nội bộ trình Ban kiểm soát phê duyệt báo cáo kiểm toán nội bộ;
      (ii) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm toán nội bộ đột xuất, Kiểm toán nội bộ trình Ban kiểm soát báo cáo kiểm toán nội bộ đột xuất.
   b) Đối với báo cáo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này: trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Kiểm toán nội bộ trình Ban kiểm soát phê duyệt báo cáo kết quả tự đánh giá kiểm toán nội bộ.
   c) Đối với báo cáo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này:
      (i) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Kiểm toán nội bộ trình Ban kiểm soát và Người đại diện hợp pháp của OCB phê duyệt báo cáo kiểm toán nội bộ của năm tài chính để gửi cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

(ii) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm toán nội bộ đột xuất, OCB gửi báo cáo kiểm toán nội bộ đột xuất cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

5. Nội dung báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định Thông tư 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi bổ sung liên quan.

Điều 23. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ với Hội đồng Quản trị:

a) Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là mối quan hệ hợp tác và hỗ trợ trên cơ sở Điều lệ và các quy định của pháp luật vì lợi ích chung của OCB. Ban kiểm soát hoạt động với tư cách khách quan, độc lập trong quá trình kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh – quản lý – điều hành OCB, đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm phối hợp cùng Hội đồng quản trị theo dõi chỉ đạo quá trình chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra;

b) Hội đồng quản trị cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của OCB cho Ban kiểm soát để phục vụ công tác của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị phối hợp với bộ phận Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị;

c) Ban kiểm soát báo cáo với Hội đồng Quản trị kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm. Sau khi có kết quả kiểm toán nội bộ, thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị hoặc yêu cầu họp với Hội đồng Quản trị;

d) Ban kiểm soát thông báo với Hội đồng Quản trị những kế hoạch đột xuất khác thuộc phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của Ban kiểm soát;

e) Hội đồng quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

2. Mối quan hệ với Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc:

a) Ban kiểm soát thảo luận và thông báo với Tổng Giám đốc kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm;

b) Quá trình thực hiện giám sát và kiểm toán nội bộ các hoạt động OCB theo kế hoạch hàng năm và đột xuất, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản hoặc trao đổi trực tiếp kết quả với Tổng Giám đốc để Tổng Giám đốc thực hiện chấn chỉnh và đề ra biện pháp giải quyết kịp thời các tồn tại (nếu có);

c) Ban kiểm soát chỉ đạo Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của OCB. Tổng Giám đốc chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát, Kiểm toán nội bộ làm việc. Tổng giám đốc thực hiện:

(i) Phối hợp với bộ phận Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát quản lý cấp cao đối với Tổng giám đốc;

(ii) Chỉ đạo bộ phận quản lý rủi ro và các bộ phận có liên quan cung cấp đầy đủ thông tin về rủi ro để bộ phận Kiểm toán nội bộ lập kế hoạch kiểm toán nội bộ.

d) Trong khi tiến hành giám sát và kiểm toán nội bộ các hoạt động OCB, Trưởng Ban kiểm soát có thể trao đổi với Tổng Giám đốc các vấn đề liên quan đến quá trình giám sát và kiểm toán nội bộ;

e) Ban kiểm soát thông báo với Tổng Giám đốc những kế hoạch đột xuất khác thuộc phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của Ban kiểm soát;

f) Tổng giám đốc tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Ban kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị;

g) Bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc (thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất và tuyến bảo vệ thứ hai) thực hiện:

(i) Cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác theo yêu cầu của bộ phận Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ;

(ii) Thông báo kịp thời cho bộ phận Kiểm toán nội bộ khi phát hiện các tồn tại, vi phạm, tổn thất hoặc nguy cơ tổn thất;

(iii) Tạo điều kiện thuận lợi để bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán nội bộ.

3. Mối quan hệ với Kiểm toán độc lập:

Ban kiểm soát phối hợp, tham vấn thường xuyên với Kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán hoạt động OCB cũng như kết luận sau kiểm toán nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả.

CHƯƠNG V

CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 24. Điều khoản thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Những vấn đề liên quan đến Ban kiểm soát được quy định trong Điều khoản chuyển tiếp của Luật các TCTD thì được thực hiện theo Điều 210 Luật các TCTD.
2. Những vấn đề liên quan đến Ban kiểm soát của OCB nếu chưa được đề cập trong Quy chế này, thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của OCB. Khi có nội dung nào trong Quy chế này trái với các quy định mới của pháp luật, thì áp dụng theo quy định pháp luật mới.
3. Ủy quyền cho Ban kiểm soát sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở quy định của pháp luật./.